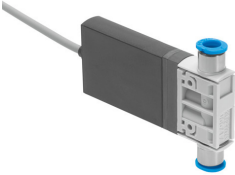


Van điện từ **MHJ10-S-2,5-QS-1/4-HF-U** Số bộ phận: 567504

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2/2 đóng đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	10 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	160 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	QS-1/4
Điện áp vận hành	24V DC
Áp suất vận hành	0.05 MPA...0.6 MPA 0.5 bar...6 bar 7.25 psi...87 psi
Cấu trúc xây dựng	Van đĩa với lò xo hồi vị
Kiểu cài đặt lại	lò xo khí nén
Mức độ bảo vệ	IP55
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Kích thước lưới	10.5 mm
Điều kiện hoạt động theo DIN VDE 0580	S3 50% 20 phútR với van đơn S3 25% 20 ph với gắn khối
Lưu ý về hoạt động	Bộ nguồn phải có khả năng cung cấp ít nhất 1,7 A mà không bị giảm điện áp. Không hoạt động mà không có lưu lượng.
Nguyên lý bít	cứng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	không
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Chống phân cực	cho điện áp hoạt động
Chức năng bổ sung	Dập tắt tia lửa Mức giảm dòng điện hãm với phục hồi năng lượng Ngắt bảo vệ
giá trị b	0.36
Giá trị C	0.66 l/s*bar

Đặc tính	Giá trị
Tần số chuyển mạch tối đa	500 Hz
Thời gian đáp ứng ở 0,4 MPa (4 bar, 58 psi) và 24 V khi mới	1.2 ms
Thời gian chuyển mạch tắt ở 0,4 MPa (4 bar, 58 psi) và 24 V trong trạng thái mới	0.6 ms
Thời gian đáp ứng ở 0,05 MPa (0,5 bar, 7,25 psi) và 24 V khi mới	1 ms
Thời gian tắt ở 0,05 MPa (0,5 bar, 7,25 psi) và 24 V khi mới	0.8 ms
Thời gian chuyển mạch bật ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) và 24 V trong trạng thái mới	1.3 ms
Thời gian chuyển mạch tắt ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) và 24 V trong tình trạng mới	0.6 ms
Thời gian chuyển đổi dung sai tắt	+15 %/-25 %
Dung sai thời gian chuyển mạch bật	+/-15 %
Dải điện áp hoạt động DC	21.6 V...26.4 V
Điện trở đầu vào	34 kOhm
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: Pha dòng điện thấp 3,2 W, pha dòng điện cao 14,5 W
Dải tín hiệu kích hoạt DC	3 V...30 V
Lưu ý về dòng điện đầu vào	Tăng tuyến tính 0,09 - 0,44 mA với tín hiệu kích hoạt 3 - 15 V 0,44 - 15,44 mA với tín hiệu kích hoạt 15 - 30 V
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Giới hạn nhiệt độ môi trường và môi trường	tùy thuộc vào tần số chuyển mạch (xem sơ đồ)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...50 °C
nam châm nhiệt độ bề mặt cho phép	120 °C
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	85 g
Cổng nối điện	3 lõi Cáp
Chiều dài cáp	2.5 m
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây với lỗ xuyên tùy ý:
Cổng nối khí nén 1	QS-1/4
Cổng nối khí nén 2	QS-1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	HNBR
Vật liệu vỏ	PA gia cố PPS gia cố
Vật liệu vỏ bọc cáp	PUR
Vật liệu vít	Thép